
Mã số <i>Code:</i>	
Lần sửa đổi <i>Version:</i>	
Ngày ban hành <i>Date of issue:</i>	

QUY TRÌNH Procedure

NHẬN DIỆN VÀ QUẢN LÝ RỦI RO-CƠ HỘI ***IDENTIFYING AND CONTROLLING THE RISKS-OPPORTUNITIES***

	<i>Trang Page</i>
1. MỤC ĐÍCH <i>PURPOSES</i>	3
2. PHẠM VI ÁP DỤNG <i>SCOPE</i>	3
3. TRÁCH NHIỆM <i>RESPONSIBILITIES</i>	3
4. ĐỊNH NGHĨA <i>DEFINITIONS</i>	3
5. TÀI LIỆU THAM KHẢO <i>REFERENCE DOCUMENT</i>	3
6. NỘI DUNG <i>CONTENTS</i>	4
6.1. TẦN SUẤT <i>FREQUENCY</i>	4
6.2. LƯU ĐỒ <i>FLOWCHART</i>	4
6.3. DIỄN GIẢI <i>INTERPRETATION</i>	6
7. HỒ SƠ LƯU <i>RECORDS</i>	8
8. LỊCH SỬ SỬA ĐỔI TÀI LIỆU <i>AMENDMENT HISTORY</i>	9

MỤC LỤC *INDEX*

1. Mục đích *Purpose*

Hướng dẫn cách nhận diện rủi ro và cơ hội đã xảy ra hoặc có thể xảy ra từ đó có hành động thích hợp nhằm ngăn ngừa hoặc giảm thiểu tác động không mong muốn và tăng cường các tác động mong muốn.

To instruct the method to identify the risks and opportunities that occurred or may be occurred to take suitable actions for preventing or reducing undesired effects and enhancing the desirable effects.

2. Phạm vi áp dụng *Scope*

Xác định rủi ro và cơ hội dựa trên các vấn đề, nhu cầu mong đợi bên quan tâm, các hoạt động thuộc hệ thống quản lý chất lượng, **hệ thống quản lý môi trường, hệ thống quản lý an toàn sức khỏe nghề nghiệp** của công ty ABC.

*To apply to the process of determining the risks and opportunities according to issues, needs and expectations of interested parties, the activities related to the Quality Management, **Environmental management system, Occupational health and safety management** system at ABC Corp,.*

3. Trách nhiệm *Responsibility*

Tất cả bộ phận thuộc phạm vi hệ thống quản lý chất lượng, **hệ thống quản lý môi trường, hệ thống quản lý an toàn sức khỏe nghề nghiệp** có trách nhiệm thực hiện quy trình này.

*All departments belonging to quality management, **environmental management, occupational health and safety management** system have to implement this procedure.*

4. Định nghĩa và từ viết tắt *Definitions and abbreviations*

- **Rủi ro:** ảnh hưởng tiêu cực đến mục tiêu hoặc kết quả mong muốn

***Risk:** affect negatively to objectives or expected outcomes.*

- **Cơ hội:** ảnh hưởng tích cực đến mục tiêu hoặc kết quả mong muốn

***Opportunity:** affect positively to objectives or expected outcomes.*

- **Bên quan tâm:** Người hoặc tổ chức có thể tạo ảnh hưởng hoặc bị ảnh hưởng bởi một quyết định hoặc hoạt động của công ty

***Interested parties:** a person or an organization who can create influences or be impacted by a decision or an operation of the company*

- **Đánh giá rủi ro:** Quá trình ước lượng rủi ro sinh ra từ một (các) mối nguy, có xem xét đầy đủ đến các biện pháp kiểm soát hiện có và quyết định xem rủi ro đó có thể chấp nhận được hay không.

Risks Assessment: Process of evaluating the risk(s) arising from a hazard(s), taking into account the adequacy of any existing controls, and deciding whether the risk(s) is acceptable.

- **TBP:** Trưởng bộ phận *Department manager*
- **BOM:** Ban Giám đốc *Board of management*
- **TGD:** Tổng giám đốc

CEO: Chief Executive Officer

- **ATSKNN:** An toàn sức khỏe nghề nghiệp

OH&S: Occupational health and safety

- **PTBVN:** Phương tiện bảo vệ cá nhân.

PPEs: Personal protective equipment

5. Tài liệu tham khảo *Reference documents*

- ISO 9001:2015. Điều khoản *Clause*: 4.1, 4.2, 6.1, 9.3
- **ISO 14001:2015** Điều khoản *Clause*: 3.2.11, 6.1.1
- **ISO 45001:2018** Điều khoản *Clause*: 6.1.1; 6.1.2

6. Nội dung *Contents*

6.1. Tần suất *Frequency*: :

- Việc đánh giá rủi ro được tiến hành định kỳ hàng năm hoặc khi:
The risks assessment is implemented annually or as follow:
- Kết quả hoạt động của hệ thống không đáp ứng được yêu cầu mong muốn.
The company's outcomes are not satisfied the expectations.
- Thay đổi cơ cấu tổ chức. *The organization structure is changed*
- Xây dựng/ thay đổi cơ sở hạ tầng. *The infrastructure is built/ changed.*
- Triển khai hoạt động mới (bao gồm cả việc sử dụng thiết bị/ công nghệ mới).
The new actions (including of using of new devices and technology are required)
- Có yêu cầu khác từ các bên quan tâm (nội bộ hay bên ngoài).
There is a requirement from the interested parties

- Khi có các thay đổi (nguyên vật liệu, máy móc/thiết bị; các thay đổi của văn bản pháp luật có liên quan; thiết kế khu làm việc, quy trình; khi xảy ra các sự cố hoặc tai nạn)

Each department carries out *identifies* hazards and risks assessment at least once a year or when there are changes (*raw materials, machines/equipment; changes of requirements from relevant law; the design of work areas, process; when incident/ accident occur*)

- Khi tổ chức thực hiện cải tiến hoặc đặt ra mục tiêu mới

When the organization makes improvements or sets new goals

6.2. Lưu đồ *Flowchart*

Bước <i>Step</i>	Trách nhiệm <i>Responsible person</i>	Lưu đồ <i>Flowchart</i>	Biểu mẫu <i>Forms</i>
1	Trưởng bộ phận <i>Department manager</i>	<pre> graph TD A([Thu thập thông tin Collecting information]) --> B[Nhận diện rủi ro và cơ hội Determining risks and opportunities] B --> C[Xác định điểm của rủi ro Making level of risks] C --> D[Xác định hành động xử lý Determining solving actions] D --> E{Phê duyệt Approving} E -- No --> D E -- Yes --> F[Thực hiện hành động xử lý Implementing solving actions] </pre>	BM-QTISO03-01 BM-QTISO03-03 BM-QTISO03-04
2	Trưởng bộ phận <i>Department manager</i>		BM-QTISO03-01 Bảng nhận diện rủi ro QMS BM-QTISO03-03 Bảng nhận diện mối nguy và giá rủi ro (OH&S)
3	Trưởng bộ phận <i>Department manager</i>		BM-QTISO03-01 BM-QTISO03-03
4	Trưởng bộ phận <i>Department manager</i>		BM-QTISO03-01 BM-QTISO03-03
		Thực hiện hành động xử lý <i>Implementing solving actions</i>	

5	Giám đốc khối/ TGD <i>Section director/ CEO</i>		BM-QTISO03-01 BM-QTISO03-02 Bảng quản lý rủi ro có ý nghĩa
6	Người có liên quan <i>Relevant person</i>		
7	TBP/ Nhân viên ISO <i>Managers dept./ ISO staff</i>		BM-QTISO03-01 BM-QTISO03-02 BM-QTISO03-03 QT-ABC-03
8	ISO và BP liên quan <i>ISO and relevant department</i>		BM-QTISO03-01 BM-QTISO03-02 BM-QTISO03-03 BM-QTISO03-04

6.3. Diễn giải *Interpretation*

Bước 1: Thu thập thông tin *Collecting the information*:

Dựa vào vấn đề nội bộ và bên ngoài, nhu cầu mong đợi của các bên quan tâm; hoạt động của quá trình có ảnh hưởng đến mục tiêu của bộ phận hoặc sự không phù hợp đã hoặc có thể xảy ra trong hoạt động để xác định rủi ro và cơ hội.

Based on the internal – external problems, the interested parties needs and expectations; activities of the process which affected to department objectives or the nonconformities have occurred or may occur in operation to determining risk and opportunities.

Bước 2: Nhận diện rủi ro và cơ hội *Identifying risks and opportunities*

TBP xác định rủi ro và cơ hội có liên quan đến vấn đề nêu tại bước 1 và điền vào biểu mẫu **BM-QTISO03-01 (QMS)** đối với rủi ro hệ thống quản lý chất lượng; **BM-QTISO03-03** đối với hệ thống quản lý an toàn sức khỏe nghề nghiệp; **BM-QTISO03-04** đối với hệ thống quản lý môi trường.

Department managers identify the risks and opportunities related to step 1 above, using form BM-QTISO03-01, (QMS) for quality management system risks; BM-QTISO03-03 for occupational health and safety management systems; BM-QTISO03-04 for environmental management systems

Bước 3: Xác định điểm rủi ro *Marking level of risks*

Điểm rủi ro *Mark level of risk* = Khả năng xảy ra (*Probability*) x Mức độ ảnh hưởng (*Severity*)

- Đánh giá rủi ro đối với Hệ thống quản lý chất lượng sử dụng Phụ lục PL-QT-ISO04-01: Hướng dẫn về đánh giá rủi ro – cơ hội QMS
- Đánh giá rủi ro đối với Hệ thống quản lý môi trường sử dụng Phụ lục PL-QT-ISO04-02: Hướng dẫn xác định đánh giá rủi ro – cơ hội EMS
- Đánh giá rủi ro đối với Hệ thống quản lý An toàn sức khỏe nghề nghiệp sử dụng Phụ lục PL-QT-ISO04-03: Hướng dẫn đánh giá rủi ro – cơ hội OH&S

Bước 4: Xác định hành động xử lý *Determining the solving action*

Dựa vào điểm số rủi ro được nhận diện, đề xuất hành động xử lý hoặc giải pháp gia tăng cơ hội.

Based on the determined risk mark, departments suggest solutions to resolve the risks and increase the opportunities.

Việc xác định điểm rủi ro và hành động xử lý thực hiện theo các Hướng dẫn tại các phụ lục: PL-QT-ISO04-01; PL-QT-ISO04-02; PL-QT-ISO04-03 tương ứng với nội dung đánh giá.

Bước 5: Phê duyệt *Approving*

Giám đốc khối/ Tổng Giám đốc phê duyệt hành động xử lý rủi ro của bộ phận

Section manager/ CEO approves the risk solving action.

Nếu hành động xử lý rủi ro của bộ phận không được phê duyệt thì phải xây dựng hành động xử lý khác.

If CEO does not approve the risk solving action, department manager has to provide the other solving actions.

Bộ phận ISO/ HSE sẽ tổng hợp các rủi ro có ý nghĩa vào BM-QTISO03-02 và phân phối đến các BP liên quan.

ISO team records the significant risks on BM-QTISO03-02 and issues to relevant departments.

Bước 6: Thực hiện *Implementing solutions*

Các cá nhân và bộ phận có liên quan thực hiện các giải pháp được đề xuất

Individuals and departments carry out the suggested solutions.

Bước 7: Đánh giá và theo dõi hiệu lực *Evaluating the effectiveness*

- Trưởng bộ phận sẽ đánh giá hiệu lực các hành động xử lý trước lần đánh giá kế tiếp vào biểu mẫu BM-QTISO03-01 (QMS) BM-QTISO03-03 (OH&S) BM-QTISO03-04 (EMS) và ;

Department managers evaluate the effectiveness of the action before the next assessment according to BM-QTISO03-01 (QMS) BM-QTISO03-03 (OH&S), BM-QTISO03-04 (EMS) and;

- Đối với các rủi ro có điểm ≥ 10 : Nhân viên ISO sẽ đánh giá hiệu lực các hành động xử lý sau 6 tháng thực hiện vào biểu mẫu BM-QTISO03-02

For risks marked ≥ 10 : ISO staff evaluates the effectiveness of the action after 6 months implementing according to BM-QTISO03-02

- Nếu kết quả đánh giá không đạt, bộ phận ISO phát hành phiếu kiểm soát sự KPH, HĐKP và bộ phận liên quan thực hiện theo quy trình kiểm soát sự KPH và HĐKP QT-ABC-03

If result is fail, ISO team issues Nonconformity control and corrective action report, relevant department carry out base on Nonconformity control and corrective action process QT-ABC-03

Kết quả đánh giá hiệu lực được báo cáo đến Ban lãnh đạo trong cuộc họp xem xét của lãnh đạo.

Evaluation result will be reported to BOM in the management review meeting.

Bước 8: Lưu hồ sơ *Saving records*

Lưu tất cả hồ sơ như mục 7 *Keep all records as item 7*

7. Hồ sơ lưu *Records*

STT <i>No.</i>	Tên <i>Form name</i>	Mã số <i>Code</i>	Nơi lưu <i>Keeping place</i>	Thời gian lưu <i>Retention period</i>
1	Bảng đánh giá rủi ro cơ hội (QMS) <i>Risk assessment and resolving actions form</i>	BM-QTISO03-01	Các bộ phận và server <i>Relevant dept. & server</i>	3 năm/ years
2	Bảng quản lý rủi ro có ý nghĩa <i>Meaningful risk management form</i>	BM-QTISO03-02		3 năm/ years
3	Bảng nhận diện mối nguy và giá rủi ro (OH&S) <i>Hazard identification and risk assessment (OH&S) form</i>	BM-QTISO03-03		3 năm/ years
4	Bảng đánh giá rủi ro cơ hội (EMS) <i>Environmental risk assessment and resolving actions form</i>	BM-QTISO03-03		3 năm/ years

8. Lịch sử sửa đổi tài liệu *Amendment history*

Lần sửa đổi <i>Version</i>	Ngày <i>Date</i>	Nội dung sửa đổi <i>Amended contents</i>	Trang <i>Page</i>	Soạn thảo <i>Updated by</i>	Phê duyệt <i>Approved by</i>
00	23/9/2017	Ban hành lần đầu <i>First issued</i>	-		
01	13/6/2018	Thay đổi nội dung của 6.1	5		

Lần sửa đổi <i>Version</i>	Ngày <i>Date</i>	Nội dung sửa đổi <i>Amended contents</i>	Trang <i>Page</i>	Soạn thảo <i>Updated by</i>	Phê duyệt <i>Approved by</i>
		<i>Changing the contents of item 6.1</i>			
02	05-04-2019	Thay đổi toàn bộ nội dung quy trình <i>Changing all of contents</i>	All		
03	15-01-2025	Thay đổi nội dung: Tích hợp việc đánh giá rủi ro ATSKNN tại QT-ISO-04 vào QT-ISO-03 Bổ sung biểu mẫu Bảng nhận diện mối nguy và giá rủi ro (OH&S) BM-QTISO03-03Rev01 và Bảng đánh giá rủi ro cơ hội (EMS) BM-QTISO03-04Rev00 Mục 5: Tài liệu tham khảo Mục 6.3: Bước 3 xác định điểm rủi ro Mục 7: Hồ sơ lưu Thêm phụ lục các phụ lục sau: PL-QTISO03-01 Rev00 PL-QTISO03-02 Rev00 PL-QTISO03-03 Rev00	All		

PHỤ LỤC PL-QT-ISO03-01
HƯỚNG DẪN ĐÁNH GIÁ RỦI RO VỀ HỆ THỐNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG

1. Công thức đánh giá rủi ro như sau:

Điểm rủi ro **Mark level of risk** = Khả năng xảy ra (*Probability*) x Mức độ ảnh hưởng (*Severity*)

2. Tiêu chí đánh giá rủi ro được xác định như sau:

Điểm <i>Mark</i>	Mô tả <i>Descriptions</i>	
	Khả năng xảy ra (<i>Probability</i>)	Mức độ ảnh hưởng (<i>Severity</i>)
1	≤ 1 lần / năm <i>Occurr ≤ once a year</i>	- Ảnh hưởng không đáng kể đến mục tiêu bộ phận; <i>There is negligible influence on department objective;</i> - Thiệt hại tài sản/ phát sinh chi phí: ≤ 500.000 VNĐ <i>Property damage or incurring costs: ≤ 500.000 VND</i>

Điểm <i>Mark</i>	Mô tả <i>Descriptions</i>	
	Khả năng xảy ra (<i>Probability</i>)	Mức độ ảnh hưởng (<i>Severity</i>)
2	> 1 lần/ năm <i>Occurr > once a year</i>	- Ảnh hưởng lớn đến mục tiêu bộ phận; <i>There is serious influence on department objective;</i> - Thiệt hại tài sản/ phát sinh chi phí: ≤ 2.000.000 VND <i>Property damage or incurring costs: ≤ 2.000.000 VND</i>
3	≥ 3 lần / năm <i>Occurr ≥ 3 times a year</i>	- Ảnh hưởng không đáng kể đến mục tiêu nhiều bộ phận <i>There is negligible influence on department objective and the stake holders</i> - Phát sinh sự không phù hợp hoặc than phiền nội bộ; <i>Arising the nonconformity or internal complaint</i> - Thiệt hại tài sản/ phát sinh chi phí: ≤ 3.000.000 VND <i>Property damage or incurring costs: ≤ 3.000.000 VND</i>
4	≥ 6 lần/ năm <i>Occurr ≥ 6 times a year</i>	- Ảnh hưởng lớn đến mục tiêu của nhiều bộ phận; <i>There is serious influence on other department objective</i> - Lặp lại không phù hợp <i>The nonconformity is repeated</i> - Khách hàng khiếu nại; <i>Customer complain</i> - Thiệt hại tài sản/ phát sinh chi phí: ≤ 5.000.000 VND; <i>Property damage or incurring costs: ≤ 5.000.000 VND</i>
5	≥ 9 lần/ năm <i>Occurr ≥ 9 times a year</i>	- Ảnh hưởng đến mục tiêu của toàn công ty <i>There is influence on the company's goal</i> - Phát sinh sự KPH lớn trong đánh giá nội bộ và bên ngoài <i>Arising the nonconformity when assessing</i> - Mất khách hàng; <i>Lose the customer;</i> - Thiệt hại tài sản/ phát sinh chi phí: > 5.000.000 VND; <i>Property damage or incurring costs: > 5.000.000 VND</i>

3. Các mức độ về rủi ro

Rủi ro thấp: Mỗi nguy có điểm rủi ro nhỏ hơn hoặc 8.

Rủi ro trung bình: Mỗi nguy có điểm rủi ro từ 9 đến 12

Rủi ro cao:

- Mỗi nguy có điểm rủi ro lớn hơn 12.
- Mỗi nguy có rủi ro gây chết người.
- Mỗi nguy thuộc tình huống khẩn cấp.
- Gây vi phạm pháp luật

PHỤ LỤC PL-QT-ISO03-02

HƯỚNG DẪN ĐÁNH GIÁ RỦI RO VỀ HỆ THỐNG QUẢN LÝ MÔI TRƯỜNG

1 Xác định rủi ro Môi trường

Khi có nhu cầu xác định rủi ro để kiểm soát Công ty sẽ tổ chức một cuộc họp bao gồm các thành viên phụ trách liên quan: Bộ phận phụ trách môi trường, an toàn của công ty (Bộ phận EHS/Ban ISO), các trưởng bộ phận tại các khu vực và hoạt động trong nhà máy. Các thành viên sẽ thống nhất nhiệm vụ xác định và đánh giá các rủi ro.

Phạm vi thực hiện sẽ được chia ra nhiều khu vực/ hoạt động đặc thù, mỗi khu vực sẽ có người chịu trách nhiệm xác định các rủi ro tại đó. Người phụ trách phải là người thường xuyên làm việc tại khu vực hoặc có kinh nghiệm đối với các rủi ro và kiểm soát rủi ro. Mục tiêu của quá trình là xác định được đầy đủ các rủi ro và tác động dự kiến trong phạm vi địa lý đã xác định.

Thực hiện theo biểu mẫu số BM-QTISO03-02 Bảng đánh giá rủi ro cơ hội (EMS)

2. Đánh giá rủi ro

2.1 Công thức đánh giá rủi ro như sau:

Điểm rủi ro **Mark level of risk** = Khả năng xảy ra (*Probability*) x Mức độ nghiêm trọng (*Severity*)

Điểm rủi ro	Khả năng xảy ra					
Mức độ nghiêm trọng		1	2	3	4	5
	1	1	2	3	4	5
	2	2	4	6	8	10
	3	3	6	9	12	15
	4	4	8	12	16	20
	5	5	10	15	20	25

2.2 Tiêu chí đánh giá

Tần suất xảy ra (P)	Mức độ nghiêm trọng (S)	
Mô tả	Mô tả	Điểm
Hiếm khi: có khả năng không bao giờ xảy ra hay chỉ có thể xảy ra 1-2 lần trong suốt thời gian Công ty hoạt động	Không đáng kể: gây ra tác động môi trường rất nhỏ, khó nhận thấy, không có ảnh hưởng đến hệ sinh thái và con người	1
Ít khi: 2-5 lần trong suốt thời gian hoạt động	Thấp: gây ra tác động môi trường có thể nhận thấy được nhưng ảnh hưởng rất ít đến hệ sinh thái và con người	2
Thỉnh thoảng: ≥ 1 lần/năm	Vừa phải: gây thiệt hại/xáo trộn ngắn hạn, cục bộ cho môi trường trong thời gian ngắn.	3
Thường xuyên: ≥ 1 lần/tháng	Lớn: gây thiệt hại nghiêm trọng cho môi trường, có thể khắc phục được nhưng tốn một chi phí đáng kể. Ảnh hưởng tiêu cực đến hệ sinh thái hay dân cư (không ở mức độ nguy hiểm).	4
Liên tục: ≥ 1 lần/ngày hay ≥ 1 lần/tuần	Dữ dội: gây thiệt hại lâu dài, không thể khắc phục. Gây ra tác động môi trường trên diện	5

Tần suất xảy ra (P)	Mức độ nghiêm trọng (S)	
Mô tả	Mô tả	Điểm
	rộng, làm xáo trộn hay tiêu diệt các loài (thực vật và động vật) và các hệ sinh thái. Gây ảnh hưởng nguy hại cho con người	

Nếu điểm số của rủi ro lớn hơn hoặc bằng 10 thì được coi là rủi ro đáng kể.

Với các rủi ro đáng kể, biện pháp kiểm soát phải bao gồm: 1. Tài liệu hướng dẫn; 2. Kế hoạch giám sát; 3. Báo cáo thực hiện định kỳ tới lãnh đạo.

Với các rủi ro đánh giá điểm dưới 10, biện pháp kiểm soát có thể được tự thực hiện bởi bộ phận trực tiếp liên quan báo cáo khi có sự cố bất thường đáng kể.

3 Đề xuất biện pháp kiểm soát

Các rủi ro sau khi được đánh giá sẽ được các bộ phận cùng xem xét và đề xuất các biện pháp kiểm soát nhằm hạ thấp rủi ro, giảm thiểu tác động tiêu cực. Người phụ trách môi trường xã hội sẽ là người tập hợp để trình lên lãnh đạo xem xét và đưa ra các yêu cầu điều chỉnh (nếu có)

PHỤ LỤC PL-QT-ISO03-03

HƯỚNG DẪN ĐÁNH GIÁ RỦI RO VỀ AN TOÀN SỨC KHOẺ NGHỀ NGHIỆP (OH&S)

1. Công thức đánh giá rủi ro như sau:

Điểm rủi ro **Mark level of risk** = Khả năng xảy ra (*Probability*) x Mức độ ảnh hưởng (*Severity*)

2. Khả năng xảy ra được dựa trên sự xem xét:

Khả năng xảy ra = Tần suất tiếp xúc * biện pháp kiểm soát

a. Tiêu chí xác định đối với Biện pháp kiểm soát

Biện Pháp kiểm soát	Điểm đánh giá
Đã có biện pháp ngăn ngừa, và ứng phó. Rất ít vi phạm về quy định an toàn (ít hơn 1 vụ/ năm) Chưa từng xảy ra sự cố (tai nạn + near-miss)	1
Đã có biện pháp ngăn ngừa, và ứng phó. Số lần CNV vi phạm về quy định an toàn < 1 vụ/tháng Có sự cố (tai nạn + near-miss) trong quá khứ, tuy nhiên không xảy ra trong vòng 2 năm trở lại đây.	2
Đã có biện pháp ngăn ngừa, và ứng phó. Số lần CNV vi phạm về quy định an toàn từ 1 – 3 lần/tháng Số vụ sự cố (tai nạn + near-miss) không quá 1 vụ năm.	3
Không có biện pháp ngăn ngừa, chỉ mới áp dụng PPE. Số lần CNV vi phạm về quy định an toàn từ 3 – 5 lần/tháng Số vụ sự cố (tai nạn + near-miss) > 1 vụ/ năm.	4
Không có biện pháp ngăn ngừa và ứng phó hậu quả. Số lần CNV vi phạm về quy định an toàn/ tháng (> 5). Số vụ sự cố (tai nạn + near-miss) > 1 vụ/ tháng.	5

b. Tiêu chí xác định về tần xuất tiếp xúc

Tần suất tiếp xúc với mối nguy	Điểm
Tiếp xúc, phơi nhiễm ít hơn hoặc bằng 1 lần/năm.	1
Tiếp xúc, phơi nhiễm một vài lần trong 1 năm.	2
Tiếp xúc, phơi nhiễm một vài lần trong 1 tháng.	3
Tiếp xúc, phơi nhiễm một vài lần trong 1 tuần.	4
Tiếp xúc, phơi nhiễm hàng ngày.	5

c. Cách đánh giá về Khả năng xảy ra

Khả năng xảy ra = điểm theo mức độ của (Tần suất tiếp xúc * biện pháp kiểm soát)		
Điểm khả năng xảy ra	Mức độ	Tần suất tiếp xúc * biện pháp kiểm soát
1	Rất thấp	1 - 4 điểm
2	Thấp	5 - 8 điểm
3	Trung bình	9 - 12 điểm
4	Cao	13 -15 điểm
5	Rất cao	16 - 25 điểm

2. Tiêu chí về mức độ nghiêm trọng (hậu quả)

Mức độ nghiêm trọng	Điểm đánh giá
Chưa ảnh hưởng hoặc chỉ bị xây xát nhẹ chỉ cần biện pháp sơ cứu là quay lại làm việc ngay và không cần nghỉ ngơi.	1
Gây thương tích hay bệnh nhẹ/ không ảnh hưởng nhiều đến sức khỏe (đứt tay, bong gân, đau đầu...). Nghỉ ngơi theo chỉ định của cơ quan y tế.	2
Tổn thương hay bệnh nặng (phổi bị tổn thương, gãy xương, bị cắt cụt, bị mất khả năng làm việc một phần/ tạm thời theo bảng tỉ lệ thương tật chi trả của bảo hiểm).	3
Gây tổn thương hay bệnh nghiêm trọng cho nhiều người (từ 2 trở lên) Hoặc Tổn thương hay bệnh rất nặng (mất khả năng làm việc vĩnh viễn: chi trên, chi dưới, sọ não ... theo bảng tỉ lệ thương tật chi trả của bảo hiểm). Có nguy cơ vi phạm pháp luật.	4
- Chết người - Gây ung thư, vô sinh hay biến đổi di truyền. - Vi phạm pháp luật	5

3. Tiêu chí đánh giá rủi ro

Điểm rủi ro	Khả năng xảy ra					
Mức độ nghiêm trọng		1	2	3	4	5
	1	1	2	3	4	5
	2	2	4	6	8	10
	3	3	6	9	12	15
	4	4	8	12	16	20
	5	5	10	15	20	25